

Bản án số: 194/2020/DS-ST

Ngày: 29/9/2020.

V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hui”

## **NHÂN DANH**

### **NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Vũ Sơn**.

- Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông **Ngô Văn Mừng**;

2. Ông **Trịnh Văn Bé**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Kiệt**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C M, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C M – tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Thụy Thùy Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C M, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 132/2020/TLST-DS ngày 25/02/2020 về tranh chấp “Hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 276/2020/QĐST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 286/2020/QĐST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2020; Thông báo mở lại phiên tòa số 23/2020 ngày 21/8/2020; Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa xét xử số 36/2020 ngày 04/9/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1948.

Bà T ủy quyền cho chị Nguyễn Thị My L, sinh năm 1988; địa chỉ: số 517, ấp P H1, xã K T, huyện C M, tỉnh An Giang, theo văn bản ủy quyền ngày 27/03/2020 (có mặt).

2. *Bị đơn*: Bà Lê Thị L (Ba L), sinh năm 1976; địa chỉ: ấp P H1, xã K T, huyện C M, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản hòa giải được, tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T ủy quyền cho chị Nguyễn Thị My L trình bày:

Do chỗ quen biết với chị L, bà T có tham gia 02 dây hội do chị L làm chủ

\* Dây hội hội 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 19/5/2018(al), hội có 24 hội viên, bà T tham gia 01 phần, bà T châu đến ngày 19/12/2019 thì chị L tự ý ngưng không khai hội tiếp tục. Trong dây hội này bà T châu được số T 40.000.000 đồng.

\* Dây hội hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 30/6/2018/5/2018(al), hội có 20 hội viên, bà T tham gia 01 phần, bà T châu đến ngày 30/11/2019 thì chị L tự ý ngưng không khai hội tiếp tục. Trong dây hội này bà T châu được số T 18.000.000 đồng.

Tổng cộng 02 dây hội chị L nợ bà T 58.000.000 đồng.

Nay bà T yêu cầu chị L có nghĩa vụ trả cho bà T số T hội 58.000.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp chị Lê Thị L đến tham gia phiên họp và hòa giải lần thứ 02 theo đúng trình tự của pháp luật nhưng chị không đến nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C M phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị T có tham gia chơi hội do bà Lê Thị L (Ba L) làm chủ, gồm dây hội thứ nhất 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 19/5/2018 (âl) có 24 hội viên, bà T tham gia 01 chân hội, tính đến ngày 19/12/2019 đóng được 20 lần với số T 40.000.000 đồng; dây hội thứ hai 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 30/6/2018 (âl), có 20 hội viên, bà T tham gia 01 chân hội, tính đến ngày 30/11/2019 đóng được 18 lần với số T 18.000.000 đồng. Tổng số T 02 dây hội là 58.000.000 đồng. Do, bà L tự ý ngưng mở hội ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T nên bà T yêu cầu bà L trả số T 58.000.000 đồng.

Phía bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến.

Xét thấy, căn cứ bà T khởi kiện là sổ hội ngày 19/5/2018 (âl) và ngày 30/6/2018 (âl), thể hiện tên các hội viên và số T giao dịch. Mặc khác, bà Chế Thị Thủy (Diễm, Bồn) và bà Nguyễn Thị Nhấm cùng xác nhận bà T có tham gia chơi hội do bà L làm chủ và có tên trong sổ giao nhận hội là “Cồ Út”. Do đó, việc bà L làm chủ hội và ngưng mở hội ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T nên bà T khởi kiện yêu cầu bà L trả số T 58.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 282, 471 Bộ luật dân sự, đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

- Buộc bà Lê Thị L có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị T số T hui 58.000.000 đồng.

## **NHẬN**

### **ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn chị Lê Thị L cư trú ấp P H1, xã K T, huyện C M, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện C M thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Lê Thị L đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ Điều 228 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L.

[2] Qua lời khai và lời trình bày của người đại diện ủy quyền cho bà T là chị My L, các tài liệu chứng cứ cung cấp và qua quá trình bà giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định giữa bà T với chị L có ký kết hợp đồng góp hui giữa hai bên phù hợp với quy định của pháp luật. Nên được pháp luật công nhận và bảo vệ, không trái đạo đức xã hội, do chị L là chủ hui, bà T là hui viên, trong 02 dây hui bà T châu đầy đủ nhưng chị L tự ý ngưng không khai hui tiếp tục, nên số T bà T châu được trong 02 dây hui là số T 58.000.000 đồng, khi bà T có yêu cầu trả nhưng chị L không thực hiện đúng nghĩa vụ làm thiệt thời quyền lợi của bà T là vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 282, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, buộc chị Lê Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số T hui là 58.000.000 đồng.

[3] Về lãi suất: Tại phiên Tòa chị My L là người đại diện ủy quyền của bà T không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Lê Thị L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Áp dụng:**

- Các Điều, Điều 282, 471 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Các Điều 26, 35, 39, 144, 146, 147, 228, 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc chị Lê Thị L phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số T hui 58.000.000 đồng (năm mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản T phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản T, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản T lãi của số T còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

**Về án phí:** Chị Lê Thị L phải chịu 2.900.000 đồng (hai triệu chín trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C M;
- Chi cục THADS huyện C M;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Châu Vũ Sơn**